

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 04/2022/DSST

Ngày: 16/02/2022

V/v: Tranh chấp kiện đòi nợ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tư Hải Phong và ông Lê Đình Thọ.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Anh

Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Ngọc Soa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2021/DSST, ngày 18 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-DS, ngày 24/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 2, đường Láng Hạ, Phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Có ông Phan Đức Vinh, sinh năm 1984, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Thanh Chương. Là người đại diện theo ủy quyền. Địa chỉ : Khối 3A, Thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn VT, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xóm Mai Trang (xóm 5 cũ), xã TM, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà; Lê Thị N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm Mai Trang (xóm 5 cũ), xã TM, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn, trình bày như sau: Ngày 10/4/2019, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và vợ chồng Nguyễn VT và chị Lê Thị N, có ký hợp đồng vay vốn với số tiền 100.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: 3615-LAV-201902328 ngày 10 tháng 4 năm 2019, cụ thể của hợp đồng là cho vay số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Sửa nhà ở; Thời hạn cho vay: 36 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 10 tháng 4 năm 2022. Khi vay bằng hình thức tín chấp, mà không có thế chấp bằng tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ theo nội dung của hợp đồng, nên Khoản vay trên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 08/10/2020, hiện tại đã chuyển sang nợ xấu. Tính đến ngày 16/02/2022 đang dư nợ tiền gốc quá hạn là: 100.000.000 đồng, số tiền lãi tạm tính là: **28.619.589 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là: 26.189.041 đồng, lãi quá hạn là: 2.430.548 đồng)**. Agribank Chi nhánh huyện TC đã dùng nhiều biện pháp nghiệp vụ thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu như đôn đốc khách hàng tìm mọi nguồn thu để trả nợ, vận động bên vay vốn tự bán tài sản để trả nợ cũng như phối hợp với UBND xã TM làm việc với khách hàng. Nhưng vợ chồng ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N không hợp tác trong quá trình xử lý nợ, không thực hiện đúng cam kết đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng, cũng như các biên bản làm việc trong quá trình làm việc.

Căn cứ vào quyền và nghĩa vụ của các bên tại các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và các Quyết định ủy quyền liên quan. Để thu hồi vốn cho Nhà nước, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Agribank Chi nhánh huyện TC đề nghị Quý Tòa án xem xét, để giải quyết theo quy định của pháp luật với các yêu cầu xét xử:

1. Tuyên buộc ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N phải trả nợ vay cho Agribank Chi nhánh huyện TC theo Hợp đồng tín dụng số: 3615-LAV-201902328, ngày 10 tháng 04 năm 2019, số tiền phải thanh toán tạm tính đến ngày 16 tháng 02 năm 2022, tiền gốc quá hạn là: 100.000.000 đồng, số tiền lãi tạm tính là: 28.619.589 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là: 26.189.041 đồng, lãi quá hạn là: 2.430.548 đồng).

2. Tuyên buộc ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N phải tiếp tục trả lãi tiền vay từ ngày 17 tháng 02 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong cho Agribank Chi nhánh huyện TC theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 3615-LAV-201902328, ngày 10 tháng 04 năm 2019 đã ký kết giữa Agribank Chi nhánh huyện TC và ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N .

Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trong quá giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhiều lần để công khai chứng cứ và hòa giải; song bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung: Đề nghị Tòa án, xử: Buộc vợ chồng ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N, liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, số nợ gốc còn thiếu là: 100.000.000đồng; số tiền lãi tạm tính là 28.619.589 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là: 26.189.041 đồng, lãi quá hạn là: 2.430.548 đồng). Ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N, liên đới chịu trách nhiệm tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng, cho nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N, đến Tòa án để làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, song tất cả đều vắng mặt. Tòa án cũng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt. Đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa, cho nên Tòa án vẫn xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 10/4/2019, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và vợ chồng ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N, có ký hợp đồng cho ông Nguyễn VT và

bà Lê Thị N, vay số tiền 100.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: 3615-LAV-201902328 ngày 10 tháng 4 năm 2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nông nghiệp như đã cam kết trong hợp đồng vay; đại diện Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, đề nghị ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N, thanh toán trả nợ, nhưng vẫn không thực hiện

Tính đến ngày hôm nay ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N, còn nợ Ngân hàng nông nghiệp, số nợ tiền gốc còn thiếu là: 100.000.000 đồng; số tiền lãi tạm tính là 28.619.589 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là: 26.189.041 đồng, lãi quá hạn là: 2.430.548 đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi đã vay của Hợp đồng ngày 10/4/2019 với số tiền gốc còn thiếu là: 100.000.000 đồng; số tiền lãi tạm tính đến ngày 16/02/2022 là 28.619.589 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là: 26.189.041 đồng, lãi quá hạn là: 2.430.548 đồng), là có căn cứ để chấp nhận; các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có căn cứ, như Hợp đồng tín dụng và các chứng cứ giải ngân tiền, công văn đốc thúc trả nợ.

[4] Xét ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có ý kiến gì, nên Tòa án không xem xét.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên:

Các ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được làm rõ tại phiên tòa.

[6] Vì vậy cần buộc ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N, có trách nhiệm nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp đối với hợp đồng vay vốn ngày 10/4/2019, như yêu cầu của đại diện ngân hàng. Là hoàn toàn phù hợp với. Điều 274; 275; 288; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự.

[7] *Về án phí*: Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phải chịu tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điều 147; 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 274; 275; 288; 463; 465; 466; 468 Bộ luật dân sự. Điều 27; 37 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N, có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, như sau: Tiền gốc của hợp đồng ngày 10/4/2019 là: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); số tiền lãi tính đến ngày 16/02/2022 là: 28.619.589 đồng (*Hai mươi tám triệu, sáu trăm mười chín nghìn, năm tám chín đồng*), trong đó: Lãi trong hạn là: 26.189.041 đồng, lãi quá hạn là: 2.430.548 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, số tiền: 2.925.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm hai lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008975 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

3.2. Ông Nguyễn VT và bà Lê Thị N, liên đới phải chịu: 6.430.000 đồng (*Sáu triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng*), tiền án phí dân sự.

4. Kể từ ngày 17/02/2022, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn